TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HN-ST
Ngày: 08-4-2022
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI,TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Đức**
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Trí**

2. Ông **Võ Lâm Sơn**

Thư ký phiên tòa: Bà **Triệu Thị Yên -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:

Ông **Nguyễn Phước Lợi** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp "**Ly hôn**" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **H T T**, sinh năm 1976 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 855, tổ 30, ấp KB 1, xã KA, huyện CM, tỉnh AG
2. Bị đơn: Ông **V M D**, sinh năm 1973 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Số 855, tổ 30, ấp KB 1, xã KA, huyện CM, tỉnh AG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn bà H T T trình bày, bà và ông V M D quen biết và sống chung vào năm 1995, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tôn trọng nhau, thường xuyên cãi nhau. Ông D không lo làm ăn chăm lo cho gia đình và có người phụ nữ khác. Vợ chồng đã hòa giải nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 3 năm 2021 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, bà T yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Bà T xác định vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Mỹ

Nhân, sinh ngày 10/5/1996; Võ Thị Mỹ Yến, sinh ngày 03/4/2003, hiện đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông V M D đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án của bà H T T và triệu tập hợp lệ để giải quyết, nhưng ông D vắng mặt không lý do, nên không ghi nhận ý kiến và hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà H T T vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Ông V M D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng ông vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu của bà H T T xin ly hôn ông V M D.

Về quan hệ con chung: 02 chung tên Võ Thị Mỹ Nhân, sinh ngày 10/5/1996; Võ Thị Mỹ Yến, sinh ngày 03/4/2003 đã trưởng thành nên không đề cập đến.

Về tài sản chung, nợ chung, không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Bà H T T khởi kiện xin ly hôn ông V M D có nơi cư trú ấp Kiến Bình 1, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông V M D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V M D là có căn cứ

[2]- Về nội dung: Bà H T T và ông V M D sống chung vào năm 1995, có đăng ký kết hôn theo qui định. Vợ chồng sống đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau. Ông D không lo làm ăn chăm lo cho gia đình và có người phụ nữ khác. Vợ chồng không còn sống chung từ tháng 3 năm 2021 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, bà T xin ly hôn ông D. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T và ông D kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tạo điều

kiện và động viên vợ chồng hàn gắn ở lại, nhưng bà T vẫn kiên quyết yêu cầu xin ly hôn ông D vì vợ chồng đã hàn gắn nhiều lần nhưng không được. Điều này chứng tỏ tình cảm của bà T đối với ông D không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, nếu sống chung lại cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu của bà T phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và có cơ sở chấp nhận.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Bà T xác định có 02 con chung tên Võ Thị Mỹ Nhân, sinh ngày 10/5/1996; Võ Thị Mỹ Yến, sinh ngày 03/4/2003 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.2]- Về quan hệ tài sản chung: Bà T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]- Về nợ chung: Bà T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà **H T T** xin ly hôn ông **V M D**.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 146 ngày 01/9/2003 của Ủy ban nhân dân xã Kiến An, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Võ Thị Mỹ Nhân, sinh ngày 10/5/1996; Võ Thị Mỹ Yến, sinh ngày 03/4/2003 đã trưởng thành.

Về quan hệ tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Ghi nhận bà T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì bà T, ông D vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Bà H T T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba

trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0010014 ngày 10/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã Kiến An;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Đức